UBND XÃ GIỒNG TRÔM
TRƯỜNG MN GIỒNG TRÔM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 95/QĐ-MN

Giồng Trôm, ngày 18 tháng 9 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt kết quả các đơn vị cung cấp thực phẩm, sữa, nước uống, chất đốt và các đồ dùng phục vụ công tác bán trú năm học 2026-2027

Căn cứ Chỉ thị số 33/CT-TTg ngày 14 tháng 8 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường bảo đảm an toàn thực phẩm trong cơ sở giáo dục;

Căn cứ Công văn số 13723/UBND-KGVX, ngày 15/9/2026 của ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long V/v tăng cường bảo đảm an toàn thực phẩm trong cơ sở giáo dục;

Căn cứ Thông tư số 52/2020/TT-BGDĐT ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Ban hành Điều lệ Trường mầm non;

Căn cứ Thông tư số 09/2025/TT-BGDĐT ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về phân quyền, phân cấp và phân định thẩm quyền thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước của chính quyền địa phương hai cấp đối với giáo dục mầm non;

Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 57/2024/QH15, Luật số 90/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04/8/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Xét đề nghị của bộ phận phụ trách bán trú và kế toán trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu với các đơn vị cung cấp thực phẩm, sữa, nước uống, chất đốt phục vụ công tác bán trú năm học 2026-2027 với các nội dung chính như sau:

1. Hình thức lựa chọn nhà thầu: Lựa chọn nhà thầu trong trường hợp đặc biệt.

2. Phương thức lựa chọn: Thương thảo trực tiếp với nhà thầu có đủ năng lực, kinh nghiệm.

3. Nguồn vốn: Thu tiền ăn bán trú từ phụ huynh học sinh.

4. Giá gói thầu dự kiến: *(có phụ lục kèm theo).*

5. Thời gian thực hiện hợp đồng: Từ tháng 9/2026 đến hết tháng 7/2027.

6. Loại hợp đồng: Hợp đồng theo đơn định kỳ thay đổi hàng tháng.

7. Thời gian lựa chọn nhà thầu: Tháng 9/2026.

Điều 2. Bộ phận phụ trách bán trú, kế toán và các cá nhân, đơn vị liên quan có trách nhiệm triển khai thực hiện theo đúng nội dung kế hoạch đã được phê duyệt.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:
- Như Điều 2;
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG

U.B.N.D XÃ GIỒNG TRÔM T. VĨNH LONG
TRƯỜNG MẦM NON GIỒNG TRÔM

Lê Thị Bé Tý

PHỤ LỤC 1: DỰ TOÁN MUA THỰC PHẨM BÁN TRÚ NĂM HỌC 2026-2027

Mua thực phẩm phục vụ công tác bán trú năm 2026-2027 của Trường Mầm non Giồng Trôm

(Kèm theo Quyết định số 95 /QĐ-MN ngày 18 tháng 9 năm 2026 của Trường Mầm non giồng Trôm)

STT	Tên hàng hóa/dịch vụ liên quan	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn	Khối lượng	Đơn vị tính	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
1	Bánh canh	Bánh canh bột lọc, không mùi, đủ điều kiện an toàn thực phẩm	392	kg	18.000	7.056.000	
2	Bánh canh xắt	Bánh canh bột xắt, không mùi, đủ điều kiện an toàn thực phẩm	1385	kg	24.000	33.240.000	
3	Bánh phở	Bánh phở, đủ điều kiện an toàn thực phẩm	292	kg	22.000	6.424.000	
4	Bún	Bún tươi, đủ điều kiện an toàn thực phẩm	1505	kg	18.000	27.090.000	
5	Hủ tiếu	Hủ tiếu tươi, đủ điều kiện an toàn thực phẩm	427	kg	28.000	11.956.000	
6	Bắp cải	Bắp cải trắng, không úa, đủ điều kiện an toàn thực phẩm	70	kg	22.000	1.540.000	
7	Bầu	Bầu trái gọt vỏ, 600g-800g/trái, đủ điều kiện an toàn thực phẩm	450	kg	22.000	9.900.000	
8	Bí đao	Bí đao gọt vỏ, 600g-800g/trái, đủ điều kiện an toàn thực phẩm	670	kg	27.000	18.090.000	
9	Bí đỏ	Bí đỏ gọt vỏ, đủ điều kiện an toàn thực phẩm	307	kg	35.000	10.745.000	
10	Cà chua	Cà chua tươi, chín vừa, 10-15 trái/kg, đủ điều kiện an toàn thực phẩm	891	kg	33.000	29.403.000	
11	Cải đỏ	Củ cải đỏ gọt vỏ, từ 4-6 củ/kg, đủ điều kiện an toàn thực phẩm	786	kg	29.000	22.794.000	
12	Cải ngọt	Cải ngọt tươi, cắt bỏ gốc, đủ điều kiện an toàn thực phẩm	189	kg	25.000	4.725.000	
13	Cải thảo	Cải thảo tươi, không úa, đủ điều kiện an toàn thực phẩm	101	kg	25.000	2.525.000	
14	Cải thìa	Cải thìa tươi, không úa, cắt gốc, đủ điều kiện an toàn thực phẩm	51	kg	25.000	1.275.000	
15	Củ cải trắng	Củ cải trắng gọt vỏ, từ 4-6 củ/kg, đủ điều kiện an toàn thực phẩm	273	kg	22.000	6.006.000	
16	củ sắn	Củ sắn gọt vỏ, từ 4-6 củ/kg, đủ điều kiện an toàn thực phẩm	137	kg	25.000	3.425.000	
17	Cần	Cần tàu làm sạch, cắt gốc, đủ điều kiện an toàn thực phẩm	61	kg	50.000	3.050.000	
18	Chanh	Chanh tươi, không úa, đủ điều kiện an toàn thực phẩm	20	kg	25.000	500.000	
19	Chuối cau	Chuối cau chín, từ 1-1,5kg/nải	50	kg	35.000	1.750.000	
20	Cốt dừa	Nước cốt dừa khô nguyên chất, đảm bảo độ béo, không dùng chất béo.	61	kg	65.000	3.965.000	
21	Củ dền	Củ dền gọt vỏ, từ 4-6 củ/kg, đủ điều kiện an toàn thực phẩm	34	kg	35.000	1.190.000	
22	Củ hành tây	Củ hành tây gọt vỏ, từ 4-6 củ/kg, đủ điều kiện an toàn thực phẩm	101	kg	25.000	2.525.000	
23	Đậu bắp	Đậu bắp tươi, không úa, đủ điều kiện an toàn thực phẩm	86	kg	24.000	2.064.000	
24	Đậu hủ non	Đậu hủ miếng lớn, đủ điều kiện an toàn thực phẩm	394	kg	35.000	13.790.000	

25	Đậu hu chiên	Đậu hủ miếng lớn, đủ điều kiện an toàn thực phẩm	376	kg	37.000	13.912.000	
26	Đu đủ	Đu đủ gọt vỏ, đủ điều kiện an toàn thực phẩm	273	kg	23.000	6.279.000	
27	Dưa hấu	Dưa chín vừa, giòn, trái từ 1,7kg trở lên, đủ điều kiện an toàn thực phẩm	873	kg	20.000	17.460.000	
28	Mận An Phước	Mận tươi, không úa, đủ điều kiện an toàn thực phẩm	313	kg	45.000	14.085.000	
29	Thanh Long	Tươi, không úa, đủ điều kiện an toàn thực phẩm	393	kg	30.000	11.790.000	
30	Dưa leo	Tươi, không úa, đủ điều kiện an toàn thực phẩm	101	kg	22.000	2.222.000	
31	Giá	Tươi, không úa, đủ điều kiện an toàn thực phẩm	445	kg	15.000	6.675.000	
32	Gừng	Gừng gọt vỏ, đủ điều kiện an toàn thực phẩm	12	kg	45.000	540.000	
33	Hành lá	Hành lá tươi lột sạch, không úa, đủ điều kiện an toàn thực phẩm	171	kg	60.000	10.260.000	
34	Khoai lang	Khoai lang, gọt vỏ, đủ điều kiện an toàn thực phẩm	359	kg	38.000	13.642.000	
35	Khoai lăng	Khoai lăng tím, gọt vỏ, đủ điều kiện an toàn thực phẩm	307	kg	40.000	12.280.000	
36	Khoai tây	Khoai tây, gọt vỏ, đủ điều kiện an toàn thực phẩm	188	kg	30.000	5.640.000	
37	Khóm	Khóm, gọt vỏ, đủ điều kiện an toàn thực phẩm	291	kg	42.000	12.222.000	
38	Màu dừa	Nước màu dừa truyền thống, chai 500ml, thời gian bảo quản ≥ 12 tháng	55	kg	165.000	9.075.000	
39	Me	Me bóc vỏ, còn hạt, đủ điều kiện an toàn thực phẩm	78	kg	40.000	3.120.000	
40	Mồng tơi	Mồng tơi lặt sẵn, đủ điều kiện an toàn thực phẩm	70	kg	25.000	1.750.000	
41	Mướp	Mướp gọt vỏ, đủ điều kiện an toàn thực phẩm	414	kg	28.000	11.592.000	
42	Nấm đông cô	Nấm đông cô khô, đủ điều kiện an toàn vệ sinh thực phẩm	45	kg	130.000	5.850.000	
43	Nấm rơm	Nấm rơm ba tri hoặc tương đương, Nấm búp, đủ điều kiện an toàn thực phẩm	380	kg	120.000	45.600.000	
44	Ngò gai	Ngò gai, đủ điều kiện an toàn thực phẩm	35	kg	50.000	1.750.000	
45	Ngó rí	Ngò rí, đủ điều kiện an toàn thực phẩm	72	kg	80.000	5.760.000	
46	Nho	Nho tươi, đủ điều kiện an toàn vệ sinh thực phẩm	155	kg	120.000	18.600.000	
47	Rau quế	Rau quế tươi, không úa, đủ điều kiện an toàn vệ sinh thực phẩm	84	kg	35.000	2.940.000	
48	Rau muống	Rau muống tươi, cắt gốc, không úa, đủ điều kiện an toàn vệ sinh thực phẩm	205	kg	22.000	4.510.000	
49	Rau thơm	Rau thơm tươi, không úa, đủ điều kiện an toàn vệ sinh thực phẩm	10	kg	25.000	250.000	
50	Sả	Sả bằm, màu sáng, đủ điều kiện an toàn thực phẩm	10	kg	26.000	260.000	
51	Cải Sà lách - xoăn	Cải Sà lách - xoăn tươi, không úa, đủ điều kiện an toàn vệ sinh thực phẩm	222	kg	30.000	6.660.000	

52	Su su	Củ su gọt vỏ, từ 3-5 củ/kg, đủ điều kiện an toàn thực phẩm	137	kg	26.000	3.562.000	
53	Củ tỏi	Tỏi Ninh Thuận hoặc tương đương, củ to, chưa lột vỏ, nguyên củ.	101	kg	55.000	5.555.000	
54	Củ hành tím	Củ hành tím Ba Tri hoặc tương đương, củ to, chưa lột vỏ, nguyên củ.	168	kg	95.000	15.960.000	
55	Bò viên	Bò viên Chín Thủy Food hoặc tương đương, túi 500gr, đủ điều kiện an toàn thực phẩm	190	kg	95.000	18.050.000	
56	Chả cá ba sa	Chả cá ba sa Chín Thủy Food hoặc tương đương, thịt cá basa 95%, gói 500g, đủ điều kiện an toàn thực phẩm	190	kg	85.000	16.150.000	
57	Thịt vịt nạc	Thịt vịt tươi, không đầu, chân, cánh, có dấu kiểm dịch	1520	kg	105.000	159.600.000	
58	Bún khô	Thành phần: Mononatri glutamat 99+ %, chất điều vị ((INS 621)), Phụ gia thực phẩm	70	kg	60.000	4.200.000	
59	Dầu ăn	Dầu ăn CookingOil Trường An hoặc tương đương, chai 1 lít	847	chai	61.000	51.667.000	
60	Đậu xanh ruột	Hạn sử dụng ≥ 24 tháng kể từ ngày sản xuất.	101	kg	55.000	5.555.000	
61	Đường	Đường Nguyên Hiệp hoặc tương đương – Đường tinh luyện loại 1 , Thành phần: POL >= 99,90 %, Độ ẩm < =0,030 %, Tro dẫn điện <= 0.015 %, Đường khử >= 0,030 %, Độ màu <= 30 ICU, Hạn sử dụng 24 tháng kể từ ngày sản xuất	1083	kg	25.000	27.075.000	
62	rau dền	rau dền tươi, không dập úng, đủ điều kiện an toàn vệ sinh thực phẩm	60	kg	25.000	1.500.000	
63	Rau câu dừa	bột mịn, màu trắng, đóng gói túi nhỏ 12g, hsd 18 tháng	171	gói	10.000	1.710.000	
64	măng gọt sẵn	măng tươi, không dập úng, đủ điều kiện an toàn vệ sinh thực phẩm	51	kg	45.000	2.295.000	
65	cải bó xôi	cải bó xôi tươi, không dập úng, đủ điều kiện an toàn vệ sinh thực phẩm	51	kg	70.000	3.570.000	
66	bánh đũa	hộp 500g, có 2 vị: mặn, ngọt. Hsd 3 tháng	190	kg	70.000	13.300.000	
67	Dưa hường	Dưa hường tươi, không dập úng, đủ điều kiện an toàn vệ sinh thực phẩm	224	kg	27.000	6.048.000	
68	cải vúng	cải vúng tươi, không dập úng, đủ điều kiện an toàn vệ sinh thực phẩm	171	kg	25.000	4.275.000	
69	rau om	rau om tươi, không dập úng, đủ điều kiện an toàn vệ sinh thực phẩm	29	kg	30.000	870.000	
70	tắc	tắc tươi, không dập úng, có mùi thơm, mọng nước, đủ điều kiện an toàn vệ sinh thực phẩm	110	kg	22.000	2.420.000	
71	viên nấu phở	Trọng lượng 75g, Hạn sử dụng: 12 tháng	171	viên	7.500	1.282.500	
72	bánh gạo	Trọng lượng 300g. Hạn sử dụng: 12 tháng	68	kg	85.000	5.780.000	
73	chanh dây	chanh dây tươi, không dập úng, đủ điều kiện an toàn vệ sinh thực phẩm	35	kg	55.000	1.925.000	
74	Bánh mì	Trọng lượng 80g. Hạn sử dụng: trong ngày	2052	ổ	3.500	7.182.000	

75	tương cà	Chai lớn 1 lít, thời hạn sử dụng 9 tháng	35	lít	28.000	980.000	
76	mít	mít tươi bỏ cùi, thơm, ngọt, không dập úng, đủ điều kiện an toàn vệ sinh thực phẩm	342	kg	35.000	11.970.000	
77	Cải xà lách	Cải xà lách tươi, không dập úng, đủ điều kiện an toàn vệ sinh thực phẩm	51	kg	38.000	1.938.000	
78	bánh Solite	hộp có khối lượng 360g (20 cái x 18g), hsd 12 tháng	222	hộp	52.000	11.544.000	
79	viên nấu bún bò	Trọng lượng 75g Hạn sử dụng: 12 tháng	171	viên	5.000	855.000	
80	Dưa gang chín	Dưa gang tươi, thơm, ngọt, không dập úng, đủ điều kiện an toàn vệ sinh thực phẩm	342	kg	20.000	6.840.000	
81	Táo	Táo tươi, thơm, ngọt, không dập úng, đủ điều kiện an toàn vệ sinh thực phẩm	51	kg	70.000	3.570.000	
82	Đậu que	Đậu que tươi, không dập úng, đủ điều kiện an toàn vệ sinh thực phẩm	96	kg	30.000	2.880.000	
83	Cam	Cam tươi, mỏng vỏ, ngọt, không dập úng, đủ điều kiện an toàn vệ sinh thực phẩm	256	kg	20.000	5.120.000	
84	Bắp Mỹ	Bắp Mỹ tươi, thơm, đều hạt, không dập úng, đủ điều kiện an toàn vệ sinh thực phẩm	86	kg	28.000	2.408.000	
85	cá hú làm sạch	cá hú tươi, đủ điều kiện an toàn vệ sinh thực phẩm	380	kg	112.000	42.560.000	
86	Cá thu phi lê	Cá thu tươi, đủ điều kiện an toàn vệ sinh thực phẩm	380	kg	245.000	93.100.000	
87	Cá lóc làm sạch	cá lóc tươi, đủ điều kiện an toàn vệ sinh thực phẩm	190	kg	115.000	21.850.000	
88	cá điêu hồng làm sạch	cá điêu hồng tươi, đủ điều kiện an toàn vệ sinh thực phẩm	380	kg	110.000	41.800.000	
89	tim heo	tim heo tươi, không có mùi hôi, đủ điều kiện an toàn vệ sinh thực phẩm	190	kg	200.000	38.000.000	
90	cua đồng xay nhuyễn	cua đồng tươi, không có mùi hôi, đủ điều kiện an toàn vệ sinh thực phẩm	190	kg	170.000	32.300.000	
91	cánh gà khúc giữa	cánh gà tươi, không có mùi hôi, đủ điều kiện an toàn vệ sinh thực phẩm	190	kg	135.000	25.650.000	
92	bọng gà công nghiệp	bọng gà tươi, không có mùi hôi, đủ điều kiện an toàn vệ sinh thực phẩm	1520	kg	85.000	129.200.000	
93	gà ác xay nhuyễn	gà ác tươi, không có mùi hôi, đủ điều kiện an toàn vệ sinh thực phẩm	190	kg	235.000	44.650.000	
94	Bánh que	hộp 500g, có 2 vị: mặn, ngọt. Hsd 3 tháng	96	hộp	16.000	1.536.000	
95	bánh mì sandwich	275g cho gói 10 lát. Hsd 7 ngày	581	gói	25.000	14.525.000	
96	Xúc xích	túi 500g, hút chân không. HSD 30 ngày	101	kg	95.000	9.595.000	
97	chuối sáp	chuối sáp tươi, thơm, ngọt, không dập úng, đủ điều kiện an toàn vệ sinh thực phẩm	307	kg	25.000	7.675.000	
98	rau má	rau má tươi, không dập úng, đủ điều kiện an toàn vệ sinh thực phẩm	68	kg	35.000	2.380.000	
99	Bánh gấu	hộp 450g, có nhân kem. Hsd 3 tháng	101	hộp	18.000	1.818.000	
100	Lạp xưởng	túi 500g, hút chân không. HSD 6 tháng	54	kg	235.000	12.690.000	

101	Nước dừa	túi 500g. Nước dừa ngọt, có vị tự nhiên, đảm bảo an toàn, dùng trong ngày	281	kg	20.000	5.620.000	
102	Đậu đen	Đậu đen tươi, không bị mối mọt, đủ điều kiện an toàn vệ sinh thực phẩm	111	kg	55.000	6.105.000	
103	đường phèn	túi 500g, có màu tự nhiên, không có bụi bẩn. HSD 6 tháng	101	kg	28.000	2.828.000	
104	bánh que kem	hộp 450g, có nhân kem. Hsd 3 tháng	86	hộp	12.000	1.032.000	
105	tôm khô	túi 500g, có màu và mùi tôm tự nhiên,. HSD 6 tháng	25	kg	600.000	15.000.000	
106	huyết heo	màu sắc tự nhiên, không có mùi hôi, ko có bụi bẩn, bảo đảm an toàn	36	kg	22.000	792.000	
107	chuối xiêm	chuối xiêm tươi, thơm, ngọt, không dập úng, đủ điều kiện an toàn vệ sinh thực phẩm	376	kg	18.000	6.768.000	
108	Viên nấu bún riêu	Trọng lượng 75g Hạn sử dụng: 12 tháng	171	viên	7.500	1.282.500	
109	Rau ngót	Rau ngót tươi, thơm, không dập úng, đủ điều kiện an toàn vệ sinh thực phẩm	20	kg	35.000	700.000	
110	cá thác lác	cá thác lác tươi, không có mùi hôi, đủ điều kiện an toàn vệ sinh thực phẩm	475	kg	255.000	121.125.000	
111	Bánh con cá	348g/hộp 12 bánh. Hsd 6 tháng	101	hộp	12.000	1.212.000	
112	Lươn làm sạch	lươn tươi, không có mùi hôi, đủ điều kiện an toàn vệ sinh thực phẩm	480	kg	190.000	91.200.000	
113	Lê	lê tươi, thơm, ngọt, đủ điều kiện an toàn vệ sinh thực phẩm	205	kg	55.000	11.275.000	
114	chả cá hấp	hút chân không túi 500g, chả cá tươi, không có mùi hôi, đủ điều kiện an toàn vệ sinh thực phẩm	101	kg	85.000	8.585.000	
115	bơ sáp	Bơ tươi, thơm, béo, đủ điều kiện an toàn vệ sinh thực phẩm	36	kg	85.000	3.060.000	
116	sữa Phương Nam hộp lớn	hộp lớn (1284g), hạn sử dụng là 1 năm	190	hộp	80.000	15.200.000	
117	Knour - 900 gam hoặc tương đương	Hạt nêm Knorr hoặc tương đương túi 900gr, Thành phần: Muối i-ốt (41%), bột ngọt điều vị, đường, bột sắn, bột thịt và chiết xuất tủy xương và bột tủy xương | thịt thăn (21 g)**, hương thịt tổng hợp, chất béo, chất ổn định 1442, chất điều vị disodium 5'-ribonucleotide, chất điều vị disodium 5-inosinate, hương nước dùng tổng hợp, bột chiết xuất men, bột lên men. Hạn sử dụng 12 tháng kể từ ngày sản xuất	307	kg	80.000	24.560.000	
118	Mì thịt bằm Gấu Đỏ	Mì thịt bằm Gấu Đỏ 64gr, thùng 30 gói, HSD:6 tháng kể từ ngày sản xuất	101	kg	53.000	5.353.000	
119	Muối Iot	Muối bịt 850gr	513	kg	9.000	4.617.000	
120	Nui sò	Nui sò túi 200gr	334	kg	45.000	15.030.000	
121	Nước mắm Nam Ngư hoặc tương đương	Nước mắm Nam ngư Đệ nhị hoặc tương đương 900ml/chai.Thành phần: nước, muối, đạm cá cơm, đường, chất điều vị, chất bảo quản, sodium benzoate, urê nội sinh dưới 0,025%, chất ổn định, màu tổng hợp, màu caramen, hương cá hồi, hạn sử dụng ≥ 12 tháng	703	chai	26.000	18.278.000	

122	Nước tương tam thái tử hoặc tương đương	Nước tương Tam Thái Tử nhị ca hoặc tương đương 500ml; Thành phần Nước, muối, khô đậu nành (35.6 g/l), chất điều vị (621, 627, 631), đường, màu thực phẩm (150a), chất điều chỉnh độ axit (330), hương tổng hợp dùng trong thực phẩm, chất bảo quản (211), chất làm dầy (415), chất tạo ngọt tổng hợp (951, 950), potassium iodate (18 mg/l). hạn sử dụng ≥ 12 tháng	36	chai	23.500	846.000	
123	Tôm thẻ	Tôm tươi, cắt bỏ đầu, size tép từ 40 con - 45 con/kg	380	kg	215.000	81.700.000	
124	Mực - bạch tuột	Mực - bạch tuột làm sạch, bỏ ruột	304	kg	255.000	77.520.000	
125	Trứng gà	Trứng gà vạn lợi, vỉ 10 trứng, đủ điều kiện an toàn thực phẩm	7697	trứng	3.500	26.939.500	
126	Trứng vịt	Trứng vịt vạn lợi, vỉ 10 trứng, đủ điều kiện an toàn thực phẩm	5986	trứng	6.000	35.916.000	
127	Trứng cút	Trứng cút vạn lợi, vỉ 10 trứng, đủ điều kiện an toàn thực phẩm	20526	trứng	1000	20.526.000	
128	Thịt bò	Thịt nạc đùi bò. Nhà cung cấp: Tại cơ sở giết mổ có đủ điều kiện an toàn vệ sinh thực phẩm	522	kg	295.000	153.990.000	
129	Thịt nạc dăm	Thịt nạc dăm cổ. Nhà cung cấp: Tại cơ sở giết mổ có đủ điều kiện an toàn vệ sinh thực phẩm	2934	kg	155.000	454.770.000	
130	Tạp dề	- Xuất xứ: Việt Nam - Kích thước: + Tạp dề tiêu chuẩn: Dài 70.5cm x Rộng 59cm. + Tạp dề ngắn: Dài khoảng 45cm x Rộng 58cm. + Tạp dề yếm: dây đeo cổ, dây cột eo. - Chất liệu: + Vải Polyester: các loại tạp dề phòng sạch, có pha sợi carbon để chống tĩnh điện. + Da: Tạp dề da bò được sử dụng cho môi trường nhiệt độ cao, chịu lửa. + Vải bố, kaki,kate: Dùng cho tạp dề thông thường hoặc dây da. + Sợi thủy tinh tráng nhôm: Chống bức xạ nhiệt và chịu nhiệt độ cao lên đến 1200 độ C. + Cao su: Tạp dề chống hóa chất AlphaTec® được làm từ cao su với công nghệ màng chắn đa lớp. - Màu sắc: màu trắng, xanh dương. - Các chi tiết khác: Bao gồm túi đựng đồ (chiều sâu và chiều rộng), dây đeo cổ, dây thắt lưng. 2. Tiêu chuẩn Chống tĩnh điện: Tạp dề phòng sạch có yêu cầu điện trở bề mặt nhất định, (10^6 – 10^8 Ω) Chống nhiệt: Tạp dề chịu nhiệt có thể đạt tiêu chuẩn chống bức xạ nhiệt, chịu được bức xạ nhiệt theo tiêu chuẩn EN ISO 6942.	15	Cái	45.000	675.000	
131	Thảm tròn	- Xuất xứ: Việt Nam - Chất liệu: 100% PVC cao cấp mềm dẻo, 100% Polypropylene (PP) - Độ dày: từ 1.2mm (đối với thảm nút tròn) đến 5mm - 7mm (đối với thảm tấm). - Kích thước: + Dạng cuộn: cuộn rộng 2m hoặc 3.66m với chiều dài từ 25m đến 35m. + Dạng tấm: Kích thước phổ biến là 50x50cm hoặc 25x100cm. - Kiểu dệt: Phổ biến có kiểu sợi vòng (Loop Pile).	4	Tấm	18.000	72.000	

132	Chổi tàu dừa (loại tốt)	- Xuất xứ: Việt Nam - Chất liệu: Chổi được làm từ các cọng dừa phơi khô để tăng độ bền và dẻo dai, đảm bảo tính tự nhiên và thân thiện môi trường. - Kích thước: Có hai kích thước chính là loại lớn (dài ~110cm, lưỡi rộng ~60cm) và loại vừa (dài ~90cm, lưỡi rộng ~50cm). - Thiết kế: Chổi có lưỡi rộng và dày, giúp quét sạch và nhanh hơn so với các loại chổi khác, trong khi tay cầm nhỏ gọn giúp dễ thao tác. - Độ bền: Chổi được làm chắc chắn nhờ kỹ thuật bó chổi truyền thống và xử lý cọng dừa kỹ lưỡng, chịu lực tốt và bền bỉ khi sử dụng trên các bề mặt cứng như sân bê tông, sân xi măng, hoặc sân đất.	4	Cây	32.000	128.000	
133	Kéo Nhật SK5 lớn	- Xuất xứ: Nhật Bản - Chất liệu lưỡi: Thép SK5 (Nhật Bản)- Kích thước: Dài khoảng 21cm. - Độ sắc: 10/10, rất sắc bén. - Lò xo trợ lực: Có, giúp giảm lực khi cắt. - Khóa an toàn: Có, để đảm bảo an toàn khi sử dụng. - Trọng lượng: Thường khoảng 230g - 350g. - Độ cứng: Lưỡi thép có thể đạt độ cứng HRC 60. - Chất liệu thép SK5: là loại thép carbon cao cấp của Nhật, nổi tiếng với độ cứng, khả năng giữ cạnh sắc bén và chống ăn mòn. - Công nghệ xin nông:	4	cái	57.000	228.000	
134	Giấy vệ sinh An An	- Xuất xứ: Việt Nam (Cty TNHH New Toyo Pulppy Việt Nam) - Thông tin chung: + Thương hiệu: An An + Quy cách: 100 cuộn / Thùng (Bành) - Chỉ tiêu chất lượng: + Thành phần chính: Bột giấy tái sinh + Màu sắc: trắng + Hương: bột giấy tự nhiên + Định lượng: 17 ± 2 g/m2 + Đóng gói: 2 cuộn x 2 lớp, 42 mét, 388 tờ + Kích thước tờ: 90mm x 108mm + HSD: 5 năm từ ngày sản xuất - Tiêu chuẩn công bố: TCCS 307:2016/NTY - ISO 9001	530	Cây	40.000	21.200.000	

135	Giấy vệ sinh Vĩnh Huê cuộn, tròn (10 cuộn/cây)	- Xuất xứ: Việt Nam (Công ty TNHH Giấy Vĩnh Huê). - Thông tin chung: + Tên sản phẩm: Giấy vệ sinh Vĩnh Huê cuộn tròn. + Thương hiệu: Vĩnh Huê. + Quy cách: Dạng cuộn tròn, lõi giấy. - Thông số kỹ thuật: + Chiều dài cuộn: Khoảng 20 - 22 m/cuộn. + Chiều rộng giấy: 9,5 - 10 cm. + Định lượng: 13 - 15 g/m². + Số lớp giấy: 2 lớp (loại phổ thông). + Màu sắc: Trắng tự nhiên/Hồng. + Mùi: Không mùi hoặc có hương nhẹ (tùy dòng sản phẩm). + Đóng gói: 10 cuộn, 12 cuộn hoặc 20 cuộn/bịch. - Tiêu chuẩn và chứng nhận: + Sản xuất theo Tiêu chuẩn cơ sở (TCCS) của Công ty Vĩnh Huê. + Đảm bảo yêu cầu vệ sinh an toàn theo QCVN 09-MT: 2015/BTNMT về sản phẩm giấy. + Bao bì, nhãn mác theo Nghị định 43/2017/NĐ-CP về nhãn hàng hóa. - Hạn sử dụng : 03 năm (36 tháng) kể từ ngày sản xuất	285	Cây	31.000	8.835.000	
136	Găng tay nhựa loại XL	- Xuất xứ: Việt Nam - Kích thước: XL (XX-Large), là kích thước lớn nhất, phù hợp với tay người dùng có bàn tay lớn. - Chất liệu: PVC cao cấp: Thường dùng cho găng tay công nghiệp, có khả năng kháng dầu, axit, kiềm. + Vải tổng hợp: Như PPE, Sợi Đất Sét, Polyamide, Spandex, thường dùng cho găng tay chống cắt, mang lại sự thoải mái và bám dính tốt. + Lòng bàn tay phủ PU (Polyurethane): Giúp tăng cường khả năng bám cầm, chống trượt. - Độ dài: Có thể dài khoảng 30cm hoặc hơn tùy loại. - Các tiêu chuẩn: EN388: găng tay bảo vệ chống lại rủi ro cơ học. Găng tay có thể có các chỉ số chống mài mòn, chống cắt, chống xé rách và chống đâm xuyên.	136	Cặp	26.000	3.536.000	
137	Túi mũ trong đựng đường	- Chất liệu: 100% hạt nhựa PE nguyên sinh cao cấp. - Độ trong: Bề mặt bao bì trong suốt giúp nhìn rõ sản phẩm bên trong. - Kích thước: Đa dạng, có thể sản xuất theo yêu cầu khách hàng, phổ biến cho các quy cách đường 0.5kg và 1kg. - Độ dày: Theo yêu cầu, thường từ 30mic trở lên, phù hợp tiêu chuẩn xuất khẩu. - Tiêu chuẩn: + An toàn thực phẩm: Để sản xuất bao bì nhựa PE cho thực phẩm, nhà sản xuất phải đạt Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm, thể hiện cam kết kiểm soát mối nguy và đảm bảo vệ sinh. + Quy cách đóng gói: tuân thủ các quy định về kích thước và tiêu chuẩn đóng gói cho từng loại đường.	70	kg	52.000	3.640.000	
138	Cây bao thực phẩm loại cây táo lớn (600m)		5	Cây	180.000	900.000	

139	Miếng dính ruồi	- Xuất xứ: Việt Nam - Chất liệu: từ nhựa HDPE, giấy, giấy không thấm nước, kết hợp với keo dính đặc biệt. - Kích thước: 25x20cm cho miếng dán ruồi thông thường, 46x30cm cho tấm keo đèn bẫy côn trùng. - Độ dày: Dao động từ 0.3mm đến 1mm. - Màu sắc: vàng chanh, xanh dương, trắng, đen hoặc có họa tiết. - Đặc điểm keo: keo dính thông thường hoặc keo dính có chứa chất dẫn dụ sinh học, không khô, không bị rửa trôi bởi nước. - Quy cách đóng gói: Thường đóng gói theo túi (10 miếng/túi) hoặc khối (50 miếng/khối). - Tiêu chuẩn + Chứng nhận an toàn: tiêu chuẩn HACCP-AIB & BRC về an toàn, vệ sinh thực phẩm, phù hợp sử dụng trong nhà hàng, bệnh viện, trường học. + Chứng nhận MSDS: Cần thiết cho tấm keo đèn, chứng nhận này cung cấp thông tin về an toàn hóa chất, nguồn gốc nguyên liệu, và quy trình sử dụng.	92	Miếng	2.000	184.000	
140	Bao tay xốp rời	- Thương hiệu: Hưng Thông. - Nơi sản xuất: Sản xuất tại Việt Nam - Chất liệu: Hạt nhựa HDPE (High-Density Polyethylene), PE nguyên sinh, là loại nhựa cao cấp, bền bỉ, dẻo dai, không thấm nước và dầu. - Màu sắc: màu trong suốt hoặc hơi mờ/trắng đục. - Độ dày: Phân loại mỏng (0.02 mm - 0.05 mm) cho công việc nhẹ như tiếp xúc thực phẩm hoặc vệ sinh, và dày (0.05 mm - 0.1 mm) cho công việc chế biến thực phẩm đòi hỏi bảo vệ chắc chắn hơn. - Đặc tính: + Mỏng nhẹ, ôm sát tay nhưng không gây khó chịu. + Chống bám bẩn, chống thấm nước. + Không mùi, an toàn cho người sử dụng. + Dùng một lần để đảm bảo vệ sinh và hạn chế lây nhiễm chéo. - Tiêu chuẩn + An toàn vệ sinh: Sản phẩm được sản xuất theo tiêu chuẩn an toàn vệ sinh, phù hợp khi dùng trong chế biến thực phẩm. + Không kích ứng: Chất liệu nhựa PE/HDPE không gây kích ứng da.	20	Kg	85.000	1.700.000	
141	Túi xốp loại 2 quai (trơn)	- Xuất xứ: Việt Nam - Chất liệu: + HDPE (High-Density Polyethylene): Loại nhựa có độ cứng cáp, bền chắc, phù hợp đựng hàng nặng. + LDPE (Low-Density Polyethylene): Nhựa có độ dẻo dai, trong suốt, linh hoạt hơn. - Kích thước: 15x25cm, 20x30cm, 24x38cm, 26x42cm, 30x50cm, 35x60cm, 40x70cm, 50x80cm. - Độ bền: Chịu được tải trọng từ 0.5kg đến 50kg tùy thuộc vào kích thước và chất liệu túi. - Đặc điểm thiết kế: Túi có 2 quai xách, thân túi xếp hông để tạo không gian chứa đồ, đáy túi được hàn nhiệt chắc chắn. - Tiêu chuẩn: độ dẻo dai của nhựa PE/HDPE, khả năng chịu lực, độ bền của đường hàn đáy túi tốt và yêu cầu về chống mùi cao.	380	Kg	40.000	15.200.000	

142	Túi xốp 2 quai (bóng, dẫy)	- Xuất xứ: Việt Nam - Chất liệu: nhựa HDPE (High-Density Polyethylene) và LDPE (Low-Density Polyethylene) cho loại túi có độ bóng cao hơn. - Độ dày: loại mỏng nhẹ đến loại rất dày và chắc chắn. - Kích thước: 15x25cm, 20x30cm, 24x38cm, 26x42cm, 30x50cm, 35x60cm, 40x70cm. Kích thước này tương ứng với khả năng chịu lực (ví dụ: 20x30cm đựng 1kg, 30x50cm đựng 5kg, 40x70cm đựng 15-20kg). - Kiểu dáng: Dạng hai quai xách, có đường xếp hông để mở rộng, và đáy được dập nhiệt chắc chắn. - Màu sắc: túi trắng trong, trắng sữa, hoặc các màu khác như đen, đỏ, xanh lá, vàng, hồng, tùy vào yêu cầu của người dùng. - Tiêu chuẩn + Túi thường được sản xuất từ các loại nhựa nguyên sinh hoặc tái sinh (HDPE, LDPE), đảm bảo độ bền, dẻo dai và an toàn cho người sử dụng. + Có hai quai xách chắc chắn, đáy túi được dập nhiệt, đảm bảo khả năng chịu tải cao. + Kích thước túi sẽ tương ứng với trọng lượng hàng hóa mà túi có thể chứa.	380	Kg	50.000	19.000.000	
143	Dây thun cột tóc	- Chất liệu: Phổ biến là nhựa PU hoặc TPU (Thermoplastic Polyurethane), đây là loại nhựa an toàn cho sức khỏe, đặc biệt là với dây thun JCA 4024 N60 được chứng nhận Oeko-Tex 100. - Độ dày: Thường từ 1mm đến 3mm, phù hợp với nhiều loại tóc. - Độ rộng: Khoảng 3mm đến 5mm. - Độ co giãn: Đạt khả năng co giãn tốt, thường khoảng 3-4 lần chiều dài ban đầu, đủ sức buộc chặt tóc mà không gây đau. - Kích thước: Có đa dạng kích thước từ nhỏ đến lớn, tùy thuộc vào đối tượng sử dụng (trẻ em, người lớn có tóc dài và dày) và mục đích sử dụng khác nhau. - Màu sắc: Phổ biến là màu đen, mang lại cảm giác thanh lịch. Ngoài ra còn có màu trắng trong, hồng, vàng. - Các tiêu chuẩn + Oeko-Tex 100: Chứng nhận đảm bảo sản phẩm không chứa chất độc hại, an toàn cho sức khỏe người dùng. - Tiêu chuẩn chống tĩnh điện: Áp dụng cho các loại dây thun dùng trong môi trường phòng sạch, đảm bảo độ tinh khiết và tính trong suốt.	120	Kg	120.000	14.400.000	
144	Bùi nhùi kẽm	- Xuất xứ:Việt Nam - Độ grit (độ nhám): Bùi nhùi kẽm có nhiều độ nhám khác nhau, thường được phân loại theo màu sắc. Ví dụ, màu xanh lá (#320) và màu nâu (#240-#320) có độ đàn hồi cao và phù hợp với các bề mặt cứng và chi tiết phức tạp. - Độ linh hoạt và đàn hồi: Sản phẩm có độ linh hoạt và đàn hồi cao, có thể gấp, cuộn hoặc tạo hình tùy ý, giúp tiếp cận các chi tiết cong hoặc góc khuất hiệu quả. - Khả năng làm sạch và đánh bóng: Bùi nhùi kẽm hiệu quả trong việc loại bỏ bavia, làm sạch bề mặt kim loại và gỗ mà không gây xước, cũng như đánh bóng để tạo độ sáng cho bề mặt.	84	Cái	4.000	336.000	
145	Cước kim tuyến (rửa chén) lốc 4 miếng	Loại sản phẩm: Cước rửa chén Miếng rửa chén Kim tuyến có xuất xứ tại: Việt Nam - Chất liệu: Sợi tổng hợp, sợi polyester (kim tuyến) và mút xốp. - Kích thước: Khoảng 9-10 cm (chiều dài) x 6-8 cm (chiều rộng) x 2 cm (độ dày). - Quy cách: Đóng gói theo lốc 4 miếng. Kích cỡ: 105*80*10mm - Màu sắc: Đa dạng, nhiều màu sắc nổi bật. - Sản phẩm làm từ chất liệu cao cấp, an toàn, không làm trầy xước bề mặt đồ dùng.	84	Lốc	12.000	1.008.000	

146	Ghế tròn thấp	- Xuất xứ: Việt Nam - Kích thước: + Đường kính mặt ghế: Khoảng 30-45cm. + Chiều cao ghế: Khoảng 40-50cm. + Độ dày mặt ghế/chân: Tùy mẫu, ví dụ 1,8-2cm. - Chất liệu: + Mặt ghế: Gỗ tự nhiên, gỗ công nghiệp, nệm bọc da công nghiệp, nhựa, PVC. + Chân ghế: Chân gỗ (plywood), chân thép, chân thép mạ, chân Inox. - Khả năng chịu tải: từ 80kg đến 120kg .	20	Cái	25.000	500.000	
147	Bàn chải chà chân	- Xuất xứ: Việt Nam Chất liệu: - Thân bàn chải: Nhựa PP nguyên sinh hoặc ABS cao cấp, đảm bảo độ bền, chống ăn mòn và chịu lực tốt. - Lông bàn chải: Thường được làm từ sợi cước gắn chặt vào thân bàn chải. - Kích thước: thường có kích thước nhỏ gọn, vừa tay cầm để dễ dàng thao tác và cất giữ. - Màu sắc: Đa dạng như xanh môn, xanh dương, đỏ, cam, trắng, phù hợp với sở thích và không gian sử dụng. - Độ bền cao: Nhờ chất liệu nhựa cao cấp và thiết kế chắc chắn. - Chống ăn mòn: Giúp bàn chải giữ được độ bền khi tiếp xúc với nước và các chất tẩy rửa. - Hiệu quả làm sạch: Bề mặt rộng và sợi cước cứng cáp giúp làm sạch hiệu quả các vết bẩn trên sàn, chân.	10	Cái	7.500	75.000	
148	Tẩy Axo hồng	- Tên sản phẩm: Nước Tẩy Axo Hồng - Hương Hoa Đào 800ML - Thể tích: 800ML - Xuất xứ: Việt Nam - Thành phần: Chất hoạt động bề mặt, chất chelating, chất tạo mùi, chất tạo màu - Công dụng: Tẩy sạch các vết bẩn trên quần áo màu như bùn đất, thức ăn, dầu nhớt mà không làm ảnh hưởng đến màu sắc và chất liệu vải.	190	chai	40.000	7.600.000	
149	Xịt phòng	Dung tích/Trọng lượng: 280ml/chai (Glade), 5L (Goodmaid PRO). Công dụng: Làm thơm và khử mùi phòng.	256	chai	45000	11.520.000	
150	Xà bông Lifeboy (90gr/hộp)	-Xuất xứ: Việt Nam. - Tên sản phẩm: Xà bông cục Lifebuoy - Khối lượng: 90g mỗi hộp. - Thương hiệu: Lifebuoy (thuộc tập đoàn Unilever). - Đóng gói: 1 cục/hộp. - Xà bông Lifebuoy 90g có khối lượng tịnh 90g, công dụng chính là làm sạch, diệt khuẩn và bảo vệ da. Thành phần cơ bản gồm chất hoạt động bề mặt (như Sodium Palmate, Sodium Palm Kernelate), nước, glycerin, chất tạo mùi và các hoạt chất diệt khuẩn tiên tiến như Active 5 hoặc Vitamin+. - Sản phẩm được kiểm nghiệm an toàn, có hạn sử dụng khoảng 3 năm, và có thể dùng để tắm hoặc rửa tay.	380	hộp	16.000	6.080.000	

151	Xà bông Lifeboy (173ml/chai)	- Xuất xứ: Việt Nam - Dung tích: 173ml/chai - Loại sản phẩm: Xà bông diệt khuẩn dạng nước. - Công dụng: Rửa tay và tắm, tiêu diệt vi khuẩn gây bệnh, làm sạch da. - Sản phẩm thường chứa hoạt chất Active 5 hoặc công thức diệt khuẩn tiên tiến để tiêu diệt vi khuẩn gây hại. - Công thức được Viện Pasteur kiểm nghiệm và chứng nhận an toàn cho làn da người sử dụng. - Thành phần: Chứa các thành phần cơ bản của xà phòng như Sodium palmate, sodium palm kernelate, nước, glycerin, và sodium chloride.	570	chai	37.000	21.090.000	
152	Thuốc tẩy Javen 1L	- Xuất xứ: Việt Nam - Công thức hóa học: NaClO (Natri Hypochlorite). - Thành phần chính: Sodium Hypochlorite (natri hypoclorit), các phụ gia khác như Sodium Hydroxide (natri hydroxide) và nước. - Màu sắc: Vàng nhạt. - Mùi: Hơi hắc, giống mùi clo. - Trạng thái: Dung dịch lỏng. + Là chất có khả năng tẩy trắng và khử mùi hiệu quả. + Tính ăn mòn cao, không ổn định và dễ phân hủy dưới ánh sáng. - Các tiêu chuẩn chính: + Nồng độ clo hoạt tính: Tiêu chuẩn thông thường cho Javen sử dụng trong gia đình là khoảng 10% ± 2%. + Nồng độ clo hoạt tính cho khử trùng: Để khử trùng nước sinh hoạt, 1 lít Javen (nồng độ 6-7g/l) có thể khử trùng khoảng 3m³ nước.	256	chai	25.000	6.400.000	
153	Nước tẩy Vim (1 lít/bình)	- Xuất xứ: Việt Nam (thuộc tập đoàn Unilever). - Loại sản phẩm: Hóa chất tẩy rửa bồn cầu chuyên dụng, có khả năng diệt khuẩn. - Dung tích: 1 lít. - Thành phần: Bao gồm các chất tẩy rửa như hydrochloric acid hoặc sodium hypochlorite, các chất hoạt động bề mặt và hương liệu.	570	bình	40.000	22.800.000	
154	Nước rửa chén Power(3,6 lít/chai)	- Xuất xứ: Việt Nam - Thương hiệu: Power100 (dạng can 3.6L) , thuộc công ty Wilmar Marketing CLV-HP. - Thành phần: công thức đậm đặc, đánh bay vết bẩn và dầu mỡ nhanh chóng, an toàn cho da tay với độ pH cân bằng Dịu nhẹ, an toàn, thân thiện với người dùng và môi trường. - Công dụng: Giúp chén bát sạch bóng, khử mùi tanh hiệu quả. - Sản phẩm được nghiên cứu và sản xuất theo quy trình đảm bảo chất lượng.	380	bình	85.000	32.300.000	
155	Nước lau sàn màu Sunlight hương hoa thiên nhiên (1 lít/bình)	Xuất xứ: Việt Nam - Dung tích: 1 lít/bình. - Thành phần: Chứa 100% thành phần làm sạch từ thiên nhiên. pH: Độ pH trung tính, đảm bảo an toàn cho da. - Công nghệ: Sử dụng công nghệ Sạch Bóng Vượt Trội giúp làm sạch hiệu quả, không tì vết. - Hương thơm: Chứa tinh dầu thảo mộc tạo hương thơm thư thái, dễ chịu. - Ngăn côn trùng hiệu quả nhờ tinh dầu quế hoặc sả.	684	bình	37.000	25.308.000	

156	Bột giặt OMO (800gr/bịch)	- Xuất xứ: Việt Nam (Công ty TNHH Quốc tế Unilever). - Thông tin chung: + Tên sản phẩm: Bột giặt OMO. + Khối lượng tịnh: 800gr/bịch. + Thương hiệu: OMO. + Dạng sản phẩm: Bột giặt tẩy rửa tổng hợp. - Thành phần chính (theo công bố của Unilever): + Chất hoạt động bề mặt anion: >15%. + Chất hoạt động bề mặt không ion: <5%. + Chất làm trắng quang học. + Enzyme (protease, amylase, lipase) - giúp phân hủy vết bẩn. + Chất chống tái bám bẩn. + Chất ổn định, phụ gia và hương liệu. - Đặc tính kỹ thuật: + Màu sắc: Bột trắng, có hạt màu xanh đặc trưng. + Hương thơm: Thơm mát, dễ chịu (tùy dòng: hương Comfort, hương ngọc lan tây, hương ban mai…). + Khả năng tẩy rửa: . Đánh bật nhiều loại vết bẩn cứng đầu (dầu mỡ, bùn đất, mồ hôi). . Giữ màu sắc vải, không làm xơ sợi. . Có enzyme hỗ trợ phân hủy vết bẩn nhanh hơn. + Khả năng tạo bọt: Vừa phải, dễ hòa tan trong nước. + Ứng dụng: Giặt tay và giặt máy (có dòng riêng OMO Matic). - Quy cách và bao bì: + Dung tích/khối lượng: 800gr/bịch nhựa nhiều lớp (PE/PP). + Đóng gói: Dạng túi hàn kín, chống ẩm. + Bao bì in đầy đủ thông tin: Tên sản phẩm, thương hiệu; thành phần, hướng dẫn sử dụng, cảnh báo an toàn; ngày sản xuất (NSX), hạn sử dụng (HSD); thông tin nhà sản xuất, mã vạch. - Hạn sử dụng: 03 năm (36 tháng) kể từ ngày sản xuất.	193	bịch	43.000	8.299.000	
157	Nước xả Comfort hương ban mai (10 bịch/dây)	Dung tích: Thường là 10 gói nhỏ, mỗi gói 18ml hoặc 20ml, tùy loại. Công nghệ: Công thức 1 lần xả, công nghệ "Hạt Lưu Hương Tự Bung Tỏa". Nước xả Comfort hương ban mai dạng dây (10 bịch/dây) là sản phẩm nước xả vải 1 lần xả với công thức 3D giúp làm mềm vải, bền màu và lưu giữ hương thơm ban mai lâu dài. Thành phần chính gồm chất làm mềm cationic, tinh dầu tự nhiên từ hoa và thảo mộc, cùng các chất phụ gia tạo màu và độ sệt. Mùi hương: Hương ban mai, thơm mát.	195	Dây	21.000	4.095.000	
158	Bàn chảy đánh răng	Bàn chảy trẻ em P/S, lông mềm	1758	cây	6.000	10.548.000	
159	Kem đánh răng	Kem đánh răng D.r Happy hương dâu	1270	cây	11.000	13.970.000	
160	Gạo ST21	Gạo ST21, màu sắc trắng ngà tự nhiên, hình dáng hạt căng đầy, tròn đều, không nát vỡ, không lẫn tạp chất, hương thơm nhẹ đặc trưng, không hôi, không ẩm mốc	8.930	kg	20.000	178.600.000	

161	Gas nấu ăn	Thông số kỹ thuật bình gas công nghiệp 45kg – Pacific Petro, Phoenix, City petro, Vimexco, sopet gas one • Dung tích nạp: 45 kg LPG (±0,5 kg) • Dung tích nước (vỏ bình): khoảng 109 – 113 lít • Áp suất thiết kế: 17,5 bar • Áp suất thử thủy lực: 30 bar • Trọng lượng vỏ bình: ~ 45 – 50 kg • Kích thước: Cao ~ 1.250 mm, đường kính ~ 370 mm • Vật liệu chế tạo: Thép tiêu chuẩn TCVN, sơn tĩnh điện chống gỉ • Van bình: Ren trái, đạt tiêu chuẩn TCVN 7762-2007 • Chứng nhận an toàn: Kiểm định định kỳ theo TCVN 6291:1997, QCVN 04:2013/BCT và nghị định LPG hiện hành	115	BÌNH	1.850.000	258.750.000	
162	Cung cấp nước uống	Nước khoáng Levy (Nước uống trực tiếp đóng bình theo QCVN 06-1:2010 BYT) Hạn sử dụng : 12 tháng kể từ ngày sản xuất	20.303	Bình	12.000	243.636.000	
163	Sữa chua	Meli: Nước, đường, sữa bột, chất béo thực vật, chất ổn định, hương tổng hợp dùng trong thực phẩm, men S.thermophilus và L.bulgaricus Khối lượng tịnh: 4 hộp/lốc, 48 hộp/thùng	120.000	Hộp	4.600	552.000.000	
164	Sữa bột	Good Milk Plus A+, Sữa bột béo, maltodextrine, sữa tách béo, xơ hòa tan, L-Lysine, omega 6, vitamin D3(cholecalciferol), omega 3, Taurin, DHA (acid Docosahexaenoic), ARA (Acid arachidonic). Hỗn hợp vitamin {A(all trans Retinol), C (L-Ascorbic acid), E(D-alpha-tocopherol), B1(Thiaminchloride Hydrochloride), B2(Riboflavin), B3(Nicotinicacid), acid Pantothenic(Cacium-D-pantothenate), acid Folic (N-Pteroy-Lglutamic acid), B12(Cyanocobalamin), K1(Phytomenadione(2-Methyl-3-phytyl-1,4 naphthoquinone/Phyllo-quinone/Phytonadione), Biotin(D-Biotin)}, zinc sulphate, hỗn hợp các khoáng chất {(Calcium carbonate, Sodium carbonate, Potassium bicarbonate), phospho, magnesium sulphate, Ferric diphosphate (pyropho-phate), sodium selennite, potassium iodie, clorid)} Khối lượng tịnh: 1.000g Dành cho trẻ từ 1-10 tuổi	2.900	Kg	285.000	826.500.000	
	CỘNG					**4.929.660.500**	

U.B.N.D XÃ GIỒNG TRÔM T. VĨNH LONG
TRƯỜNG MẦM NON GIỒNG TRÔM

PHỤ LỤC 2: KẾ HOẠCH LỰA CHỌN NHÀ THẦU

Mua thực phẩm phục vụ công tác bán trú năm 2026-2027 của Trường Mầm non Giồng Trôm

(Kèm theo Quyết định số 95/QĐ-MN ngày 18 tháng 9 năm 2025 của Trường Mầm non giồng Trôm)

Số thứ tự	Tên Chủ đầu tư	Tên gói thầu		Tóm tắt công việc chính của gói thầu	Giá gói thầu (VNĐ)	Nguồn vốn	Hình thức lựa chọn nhà thầu	Phương thức lựa chọn nhà thầu	Thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu	Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu	Loại hợp đồng	Thời gian thực hiện hợp đồng	Tùy chọn mua thêm	Giám sát hoạt động đấu thầu
		Tên gói thầu												
1	Trường Mầm non Giồng Trôm	Mua thực phẩm phục vụ công tác bán trú năm 2026-2027 của Trường Mầm non Giồng Trôm	Cung cấp gas nấu ăn	Cung cấp gas nấu ăn	258.750.000	Thanh quyết toán từ nguồn đóng góp của học sinh tham gia bán trú tại nhà trường năm học 2026-2027	Lựa chọn nhà thầu trong trường hợp đặc biệt	-	15 ngày	Tháng 9/Năm 2026	Đơn giá thực tế	11 tháng (từ tháng 9/2026 đến hết tháng 7/2026)	Không	Không
2			Cung cấp nước uống	Nước uống tinh khiết	243.636.000		Lựa chọn nhà thầu trong trường hợp đặc biệt	-	15 ngày	Tháng 9/Năm 2026	Đơn giá thực tế	11 tháng (từ tháng 9/2026 đến hết tháng 7/2026)	Không	Không
3			Cung cấp sữa bột	Cung cấp sữa, các sản phẩm từ sữa bột	826.500.000		Lựa chọn nhà thầu trong trường hợp đặc biệt	-	15 ngày	Tháng 9/Năm 2026	Đơn giá thực tế	11 tháng (từ tháng 9/2026 đến hết tháng 7/2026)	Không	Không
4			Cung cấp gạo	Cung cấp gạo	178.600.000		Lựa chọn nhà thầu trong trường hợp đặc biệt	-	15 ngày	Tháng 9/Năm 2026	Đơn giá thực tế	11 tháng (từ tháng 9/2026 đến hết tháng 7/2026)	Không	Không
5			Cung cấp Sữa chua	Cung cấp sữa chua, các sản phẩm từ sữa chua	552.000.000		Lựa chọn nhà thầu trong trường hợp đặc biệt	-	15 ngày	Tháng 9/Năm 2026	Đơn giá thực tế	11 tháng (từ tháng 9/2026 đến hết tháng 7/2026)	Không	Không

6			Cung cấp thực phẩm, nguyên liệu thực phẩm, chất tẩy rửa	Cung cấp thực phẩm; nguyên liệu thực phẩm, chất rửa phục vụ bữa ăn bán trú cho học sinh tại trường Mầm non Giồng Trôm năm học 2026 – 2027	2.870.174.500		Lựa chọn nhà thầu trong trường hợp đặc biệt	-	15 ngày	Tháng 9/Năm 2026	Đơn giá thực tế	11 tháng (từ tháng 9/2026 đến hết tháng 7/2026)	Không	Không
	Tổng cộng:				**4.929.660.500**									